TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1050/2019/DS-PT
Ngày: 19-11-2019
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tò a: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Bà Trần Thị Tuyết Loan

2/ Ông Lưu Trường Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4762/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9251/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà An Nguyễn Thanh L, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 144/12/18A đường số 6, Khu phố 6, phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 129 đường X1, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn*: Bà **Chu Thị Mỹ D**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ A19.01 Thủ Thiêm Sky, 188/1 đường X2, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Nguyễn Đại B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ A19.01 Thủ Thiêm Sky, 188/1 đường X2, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2. Ông Dương Minh Đ, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 144/12/18A đường X3, Khu phố 6, phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – bà Chu Thị Mỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018, bản tự khai, nguyên đơn – Bà An Nguyễn Thanh L trình bày:

Ngày 20/8/2018, Bà An Nguyễn Thanh L và bà Chu Thị Mỹ D có lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, theo đó Bà L cho bà D vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất: do hai bên thỏa thuận nhưng không trái quy định pháp luật. Sau khi ký hợp đồng thì hết giờ làm việc không rút được tiền nên Bà L và bà D hẹn nhau hôm sau các bên sẽ lấy tiền tại Ngân hàng. Ngày 21/8/2019, hai bên tiếp tục ký hợp đồng vay tiền với nội dung Bà L cho bà D vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 4%/tháng và tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư A.19.8 tầng 19 dự án Thủ Thiêm, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã giao đủ toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng cho bà D và bà D đã ký xác nhận nhận đủ tiền. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán, Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà D trả số tiền trên nhưng đến nay bà D vẫn không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà D phải trả cho bà số tiền 800.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2019, Tòa án nhân dân Quận A nhận được Đơn xác định yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/3/2019 của Bà An Nguyễn Thanh L. Trong đơn, Bà An Nguyễn Thanh L xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà An Nguyễn Thanh L yêu cầu bà Chu Thị Mỹ D phải thanh toán cho Bà L số tiền nợ gốc là 688.000.000 đồng, thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu bà Chu Thị Mỹ D phải thanh toán số tiền lãi trong hạn đối với số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng với mức lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 20/8/2018 đến hết ngày 20/9/2018.

Yêu cầu bà Chu Thị Mỹ D phải thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc là 688.000.0000 đồng theo mức lãi suất là 15%/năm, lãi suất được tính từ ngày 21/9/2018 cho đến ngày thực trả hết nợ.

Ngày 15/5/2019, Bà L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu bà Chu Thị Mỹ D phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 688.000.000 (Sáu trăm tám mươi tám triệu) đồng, thanh toán làm

một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bà L xác nhận số tiền cho bà Chu Thị Mỹ D vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến bất kỳ ai khác.

Bị đơn – bà Chu Thị Mỹ D trình bày: Bà D xác nhận vào ngày 20/8/2018, bà D và Bà L có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh để vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không trái quy định pháp luật. Ngày 21/8/2018 các bên mới giao nhận tiền nên có làm thêm Hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2018 có quy định về lãi suất tiền vay và tài sản bảo đảm. Bà D có ký và ghi đã nhận đủ, tuy nhiên bà không nhận số tiền này mà chỉ đứng ra vay dùm cho bà Nguyễn Thị Ngọc K. Trong tháng 10 và 11/2018, bà D đã trả cho Bà L tổng số tiền là 112.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bà phải thanh toán nợ gốc còn lại là 688.000.000 đồng, thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà D không có khả năng thanh toán. Bà D đề xuất thanh toán cho Bà L mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D thay đổi lời khai, thừa nhận có làm hợp đồng vay tiền nhưng không thực tế nhận tiền từ Bà L, người nhận tiền là bà Nguyễn Thị Ngọc K nên bà không đồng ý thanh toán số tiền 688.000.000 (Sáu trăm tám mươi tám triệu) đồng theo yêu cầu của Bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ông Dương Minh Đ trình bày: Số tiền 800.000.000 đồng, vợ ông là Bà An Nguyễn Thanh L cho bà Chu Thị Mỹ D vay là khoản tiền riêng của vợ, ông không liên quan đến tài sản này. Nay ông đề nghị Tòa án buộc bà D phải trả lại số tiền vay cho vợ ông theo quy định. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Đại B trình bày: Việc vay mượn số tiền 800.000.000 đồng giữa vợ ông là bà Chu Thị Mỹ D ông hoàn toàn không biết và không liên quan đến khoản tiền này. Hiện tại Bà L đang giữ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư A.19.8 tầng 19 dự án Thủ Thiêm, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông yêu cầu Bà L phải trả toàn bộ hồ sơ nhà lại cho ông. Về việc vay tiền ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng mình chỉ là người vay tiền dùm và thực tế không trực tiếp nhận tiền từ nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà An Nguyễn Thanh L về việc buộc bà Chu Thị Mỹ D trả nợ.

Buộc bà Chu Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho Bà An Nguyễn Thanh L số tiền là 688.000.000 (Sáu trăm tám mươi tám triệu) đồng. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bà An Nguyễn Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Chu Thị Mỹ D chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì hàng tháng, bà Chu Thị Mỹ D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mức lãi suất được xác định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc chưa trả của nguyên đơn – Bà An Nguyễn Thanh L.

3. Bà An Nguyễn Thanh L phải trả lại hồ sơ mua bán, chuyển nhượng căn hộ A19.01 Thủ Thiêm Sky, 188/1 Nguyễn Văn Hưởng, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Chu Thị Mỹ D và Ông Nguyễn Đại B, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Bà Chu Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.520.000 (Ba mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi ngàn) đồng. Bà Chu Thị Mỹ D chưa nộp án phí.

Hoàn trả cho Bà An Nguyễn Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0016048 ngày 18/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/8/2019, bị đơn – bà Chu Thị Mỹ D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ ý kiến của bị đơn. Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Bị đơn chỉ ký giấy vay tiền giúp cho bà Nguyễn Thị Ngọc K. Tuy bị đơn là người đã ký và viết "đã nhận đủ tiền" tại hợp đồng vay tiền nhưng người trực tiếp nhận tiền là bà K. Bị đơn đã có thoả thuận với bà K rằng bà K sẽ trả cho bị đơn số tiền 688.000.000 đồng, bị đơn còn nợ nguyên đơn bằng cách mỗi tháng bà K sẽ trả cho bị đơn số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 688.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 20/8/2018 và ngày 21/8/2019 nhưng bị đơn không đồng ý việc toà sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 688.000.000 đồng một lần vì bị đơn không đủ điều kiện kinh tế. Bị đơn đề nghị được trả cho nguyên đơn mỗi tháng 10.000.000 đồng bằng số tiền bà K trả cho

bị đơn cho đến khi hết nợ. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn bản chính các giấy tờ căn hộ chung cư A.19.8 tầng 19 dự án Thủ Thiêm, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận A. Tuy nhiên, trong bản án sơ thẩm không liệt kê các loại giấy tờ nguyên đơn còn giữ của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định và ghi nhận chi tiết để thuận tiện cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị triệu tập bà Nguyễn Thị Ngọc K tham gia tố tụng để xác định người có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2018 và Hợp đồng cho vay tiền ngày 21/8/2018 thì bên cho vay là Bà An Nguyễn Thanh L và bên vay là bà Chu Thị Mỹ D. Lời khai của các đương sự thể hiện các bên tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và có đủ năng lực hành vi dân sự.

Theo Bà L trình bày, ngày 21/8/2018, bà D gọi điện thông báo có nhờ bà Nguyễn Thị Ngọc K đến lấy tiền dùm và đưa Hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2018 có phần chữ viết và chữ ký của bà D xác nhận đã nhận đủ tiền và Hợp đồng mua bán nhà bản gốc của bà D để làm tin nên Bà L đã giao tiền cho bà K. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà D thừa nhận, ngày 20/8/2018 bà có làm hợp đồng vay tiền với Bà An Nguyễn Thanh L tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh với số tiền là 800.000.000 đồng. Bà D tự nguyện ký tên vào hợp đồng vay này và ghi rõ đã nhận đủ tiền vào hợp đồng vay. Ngày 21/8/2018, bà D có đưa cho bà Nguyễn Thị Ngọc K hợp đồng vay tiền đề ngày 21/8/2018 và giấy tờ căn hộ chung cư A.19.8 tầng 19 dự án Thủ Thiêm, phường T1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của mình để bà K đến chỗ Bà L lấy tiền. Mặc dù bà D không phải là người trực tiếp nhận tiền nhưng giữa Bà L và bà D phải có sự thỏa thuận thực hiện việc vay và nhận tiền, theo đó bà D mới đồng ý và giao bản chính hợp đồng vay tiền và hợp đồng căn hộ của bà D để cho bà K đi nhận số tiền 800.000.000 đồng từ Bà L. Lời khai nại của bà D về việc bà D không liên lạc và không yêu cầu Bà L giao tiền cho bà K là không hợp lý. Vì

vậy, trong giao dịch vay số tiền 800.000.000 đồng này, bà D vẫn là bên vay tiền và bà K chỉ là người nhận tiền vay dùm cho bà D.

Tại bản tường trình ngày 22/10/2019 và tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn trình bày bị đơn đứng ra vay tiền dùm bà K để nhận tiền chênh lệch, giữa bị đơn và bà K đã có sự thoả thuận về việc bà K sẽ trả cho bị đơn số tiền còn nợ nguyên đơn, bị đơn vẫn thể hiện ý chí là đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 688.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đã ký với nguyên đơn ngày 21/8/2018. Như vậy, nếu thật sự có quan hệ vay tiền dùm giữa bị đơn và bà K thì đấy là quan hệ riêng giữa bị đơn và bà K hoàn toàn không liên quan đến giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 21/8/2018 nên không cần thiết phải triệu tập bà K vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn về việc được trả cho nguyên đơn số nợ 688.000.000 đồng bằng cách trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2018, Hợp đồng cho vay tiền ngày 21/8/2018 và lời khai của các đương sự thì số tiền Bà L cho bà D vay là 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mặc dù các bên lập 02 hợp đồng vay tài sản nhưng thực chất số tiền cho vay chỉ là 800.000.000 đồng, ngày cho vay là ngày 21/8/2018. Tính đến nay, bà D đã trả cho Bà L số tiền là 112.000.000 đồng. Bà D đưa ra phương thức thanh toán là trả 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ nhưng không được Bà L đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả tiền khi đến hạn"*, việc bà D không trả tiền vay đúng hạn cho Bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Toà sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Bà L buộc bà D phải trả số tiền 688.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định và không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà D.

[3]. Hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2018 giữa Bà L và bà D có thỏa thuận về biện pháp bảo đảm là thế chấp căn hộ chung cư A.19.8 tầng 19 dự án Thủ Thiêm Sky và bên thế chấp đã giao cho bên nhận thế chấp bản chính các giấy tờ gồm: Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 1516/HĐMB-KD-Tcity/TTSky-A.19.8/F01 ngày 29/9/2016 giữa Công ty Cổ phần đầu tư Thủ Thiêm và ông Lê Mạnh H; Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 004811 ngày 30/9/2016 và ngày 04/10/2016 giữa ông Lê Mạnh H, bà Nguyễn Thị Trâm C với bà Chu Thị Mỹ D tại Văn phòng Công chứng TX; Biên bản thoả thuận chuyển nhượng hợp đồng số 2316/HĐMB-KD-Tcity/TTSky-A.19.8/F02 ngày 13/10/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm với ông Lê Mạnh H và bà Chu Thị Mỹ D; Biên bản bàn giao căn hộ số 2316/BGCH-KD-Tcity/TTSky-A.19.8/F01 ngày 17/10/2016 giữa Công ty Cổ phần đầu tư Thủ Thiêm và bà Chu Thị Mỹ D; Giấy xác nhận số 01102016 ngày 01/10/2016 của Công ty Cổ phần dịch vụ bất động sản Nam Việt. Tuy nhiên, các bên không thực hiện việc công chứng, chứng thực hợp đồng thế chấp là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Nhà ở nên giao dịch bảo đảm này không có hiệu lực.

Do đó, Ông B và bà D yêu cầu Bà L phải trả lại bản chính các giấy tờ đã thế chấp là có cơ sở nên chấp nhận. Tuy Bản án sơ thẩm có tuyên buộc nguyên đơn phải trả lại hồ sơ mua bán chuyển nhượng căn hộ chung cư A.19.8 tầng 19 dự án Thủ Thiêm cho bị đơn nhưng không liệt kê cụ thể các giấy tờ phải trả nên để việc thi hành án được thuận tiện cần sửa bản án sơ thẩm tại phần quyết định ghi nhận cụ thể các loại giấy tờ nguyên đơn phải trả cho bị đơn và Ông B.

[4]. Từ những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 của Toà án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – bà Chu Thị Mỹ D. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà An Nguyễn Thanh L về việc buộc bà Chu Thị Mỹ D trả tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc chưa trả.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà An Nguyễn Thanh L về việc buộc bà Chu Thị Mỹ D trả số tiền là 688.000.000 (Sáu trăm tám mươi tám triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quant hi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bà An Nguyễn Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Chu Thị Mỹ D chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì hàng tháng, bà D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mức lãi suất được xác định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bà An Nguyễn Thanh L phải trả cho bà Chu Thị Mỹ D và Ông Nguyễn Đại B bản chính các giấy tờ sau: Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 1516/HĐMB-KD-Tcity/TTSky-A.19.8/F01 ngày 29/9/2016 giữa Công ty Cổ

phần đầu tư Thủ Thiêm và ông Lê Mạnh H; Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 004811 ngày 30/9/2016 và ngày 04/10/2016 giữa ông Lê Mạnh H, bà Nguyễn Thị Trâm C với bà Chu Thị Mỹ D tại Văn phòng Công chứng TX; Biên bản thoả thuận chuyển nhượng hợp đồng số 2316/HĐMB-KD-Tcity/TTSky-A.19.8/F02 ngày 13/10/2016 giữa Công ty Cổ phần đầu tư Thủ Thiêm với ông Lê Mạnh H và bà Chu Thị Mỹ D; Biên bản bàn giao căn hộ số 2316/BGCH-KD-Tcity/TTSky-A.19.8/F01 ngày 17/10/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm và bà Chu Thị Mỹ D; Giấy xác nhận số 01102016 ngày 01/10/2016 của Công ty Cổ phần dịch vụ bất động sản Nam Việt.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Chu Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.520.000 (Ba mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi ngàn) đồng.

Bà An Nguyễn Thanh L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0016048 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 1.777.500 (một triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0016282 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Chu Thị Mỹ D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0016612 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Chu Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A;
- THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu (T/20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền